

Số: 28/2026/QĐST-DS

Cần Thơ, ngày 11 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 309/2025/TLST- DS ngày 15 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị O; sinh năm: 1986

Địa chỉ: Ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn:* Ông Nhan Thành T; sinh năm: 1968

Địa chỉ: Ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông T

Địa chỉ: Ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ

2. Bà Trương Thị K (CHANG SHIH, CHIAO), sinh năm: 1980

Địa chỉ: Số , hẻm T, khóm , thôn L, làng Li, huyện V, D

3. Bà Trương Thị T2 (), sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số , hẻm T, khóm , thôn L, làng Li, huyện V, D.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Trương Thị K (), bà Trương Thị T2 () là bà Trương Thị O.

4. Bà Nhan Thanh T3; sinh năm: 1970

5. Bà Phan Ngọc L; sinh năm: 1976

6. Ông Nhan Thanh T4; sinh năm: 1995

7. Bà Nhan Thị Mỹ T5; sinh năm: 2003

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ

Đại diện theo ủy quyền của bà Nhan Thanh T3, bà Phan Ngọc L, ông Nhan Thanh T4 và bà Nhan Thị Mỹ T5 là ông Nhan Thành T.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nội dung: Các đương sự thống nhất:

Bà Trương Thị O được sử dụng, sở hữu phần đất có vị trí số (II), (III), (V) và (VII) theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 11/TK ngày 03/12/2025 của Công ty TNHH đo đạc tài nguyên và môi trường Thiên Khôi, cụ thể:

- Vị trí số (II): Diện tích $136,9m^2$, loại đất ở tại nông thôn, thuộc thửa 68. Trên đất có nhà chính và mái che của bà Lê Thị P.

- Vị trí số (III): Diện tích $313,7m^2$, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 89. Trên đất có nhà chính, mái che và nhà sau của bà Lê Thị P.

- Vị trí số (V): Diện tích $312,3m^2$, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 89.

- Vị trí số (VII): Diện tích $2380,9m^2$ loại đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa 151.

Ông Nhan Thành T được sử dụng, sở hữu phần đất có vị trí số (I), (IV), (V), (VI) và (VII) theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 11/TK ngày 03/12/2025 của Công ty TNHH đo đạc tài nguyên và môi trường Thiên Khôi, cụ thể:

- Vị trí số (I): Diện tích $163,1m^2$, loại đất ở tại nông thôn, thuộc thửa 68. Trên đất có mái che trước, nhà chính của ông T.

- Vị trí số (IV): Diện tích $803m^2$, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 89. Trên đất có mái che trước, nhà chính, nhà sau, mái che sau của ông T và nền mộ.

- Vị trí số (V): Diện tích $312,3m^2$, loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 89.

- Vị trí số (VI): Diện tích $2361,6m^2$, loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa 151.

- Vị trí số (VII): Diện tích $2380,9m^2$, loại đất đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa 151.

Nguyên đơn bà Trương Thị O và ông Nhan Thành T được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất tương ứng đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nhan Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm làm tròn là 26.951.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Trương Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm làm tròn là 18.694.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã đóng là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005510 ngày 14 tháng 10 năm 2025. Bà Trương Thị O phải đóng thêm số tiền là 16.194.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Các chi phí tố tụng thẩm định, trích lục hồ sơ, lược đồ, chứng thư thẩm định tổng cộng là 23.693.000 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng). Bị đơn ông Nhan Thành T tự nguyện chịu 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), do đó ông T có trách nhiệm đóng số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ để giao trả cho nguyên đơn bà Trương Thị O.

Nguyên đơn bà Trương Thị O tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng còn lại là 16.693.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng) tại Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ. Bà Trương Thị O được nhận là số tiền là 7.307.000 đồng (Bảy triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng) tại Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND TP.Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 13 – Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 13 – Cần Thơ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhung